

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 322/2022/DS-PT

Ngày: 27/7/2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
đòi lại tài sản và hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Dũng

Ông Ngô T Lợi

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:* Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2022/TLPT-DS ngày 20 tháng 5 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đòi lại tài sản và hợp đồng mua bán*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS - ST ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố CA Lanh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 188/2022/QĐ – PT ngày 01/6/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 311/2022/QĐPT-DS ngày 27/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số 68A, Võ Trường Toản, Phường 1, TPCL, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị C: Anh Mai T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số nhà 21, Q lộ 30, PMP, thành phố CA Lanh, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo V quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị C: Luật sư Nguyễn Hoàng G, Văn phòng Luật sư Hoàng G thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng

Tháp.

2. Bị đơn: Công ty TNHH TT.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH TT: Ông Phạm Thanh T, chức vụ: Giám đốc.

Cùng địa chỉ: Số nhà 03, Q lộ 30, PMP, thành phố CA Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH TT: Anh Dương Văn Q, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số 02, đường 17, khu phố 6, khu dân cư Hiệp Bình, PHBC, TPTĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số nhà 137, đường Thiên Hộ Dương, Phường 4, TPCL, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Thanh T: Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số 10, đường 17, khu phố 6, khu dân cư Hiệp Bình, PHBC, TPTĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số nhà 137, đường Thiên Hộ Dương, Phường 4, TPCL, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thanh T: Anh Dương Văn Q, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số 02, đường 17, khu phố 6, khu dân cư Hiệp Bình, PHBC, TPTĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Ông Hồ Dũng A, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số nhà 68A, đường Võ Trường Toản, Phường 1, TPCL, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hồ Dũng A: Luật sư Nguyễn Hoàng G, Văn phòng Luật sư Hoàng G thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Anh Hồ Minh C (Cường), sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số nhà 68A, đường Võ Trường Toản, Phường 1, TPCL, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Anh Trần Văn V, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp 6, xã TN, huyện VL, tỉnh Vĩnh L.

3.6. Ông Lê Văn T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số nhà 19, đường Phù Đồng, PMP, thành phố CA Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Anh Nguyễn Văn Hoàng, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Đường Điện Biên Phủ, Đường số 9, PMP, thành phố CA Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3.8. Bà Phan Thị C, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số nhà 91, đường Phan Thị Quỳnh, khóm Mỹ Hưng, Phường 3, thành phố CA Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 37, hẻm 145/37, Khóm 4, Phường 1, thành phố CA Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3.9. Anh Đỗ Chiến T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số nhà 24, đường Tôn Đức Thắng, khóm T Bình, PAH, thành phố sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Công ty TNHH TT là bị đơn, ông Phạm Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Anh Mai T, luật sư Hoàng G, anh Quốc, anh Hoàng L có mặt tại phiên tòa; anh Chánh, anh Vệ, ông T, anh Hoàng, bà C, anh Tấn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Trần Thị C ủy quyền cho ông Mai T trình bày:* Do là chỗ quen biết nên bà C có nhiều lần cho Công ty TNHH TT và vợ chồng ông T, bà T vay tiền, tổng số tiền đã vay là 2.200.000.000 đồng, cụ thể:

- Vay 600.000.000 đồng ngày 06/10/2008;
- Vay 900.000.000 đồng ngày 27/01/2010;
- Vay 200.000.000 đồng ngày 27/7/2011;
- Vay 150.000.000 đồng ngày 19/8/2011;
- Vay 200.000.000 đồng ngày 11/10/2011;
- Vay 150.000.000 đồng ngày 06/3/2012;

Việc vay tiền không có tính lãi, có làm biên nhận, không có ghi hạn trả nợ vay nhưng thỏa thuận miệng khi nào ông T, bà T có tiền thì trả tiền vay cho bà C. Mặc dù bà C đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông T, bà T trả tiền vay nhưng đến nay ông T, bà T vẫn chưa trả nợ vay cho bà C. Bà Trần Thị C yêu cầu Công ty TNHH TT có trách nhiệm cùng với ông Phạm Thanh T và bà Nguyễn Thị Thanh T trả cho bà C số tiền nợ gốc là 2.200.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi với lãi suất 1,125%/tháng tính từ ngày khởi kiện đến khi Công ty TNHH TT, ông T và bà T hoàn thành việc trả nợ.

Sau đó, bà Trần Thị C khởi kiện bổ sung yêu cầu Công ty TNHH TT có

trách nhiệm cùng với ông Phạm Thanh T và bà Nguyễn Thị Thanh T trả cho bà C số tiền lãi tạm tính từ ngày 06/3/2012 đến ngày 03/8/2015 trên số tiền nợ gốc 2.200.000.000 đồng với lãi suất 1,125%/tháng, thành tiền là 1.063.125.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Mai T đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị C yêu cầu Công ty TNHH TT có trách nhiệm cùng với ông Phạm Thanh T và bà Nguyễn Thị Thanh T trả cho bà C số tiền lãi tính từ ngày 06/3/2012 đến ngày 06/3/2022 trên số tiền nợ gốc 2.200.000.000 đồng với lãi suất 9%/năm, thành tiền là 1.980.000.000 đồng – 151.000.000 đồng tiền lãi đã trả, còn lại 1.829.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi phát sinh.

Đối với yêu cầu phản tố của Công ty TNHH TT, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Công ty rút toàn bộ yêu cầu, bà C đồng ý.

Theo đơn yêu cầu phản tố, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Dương Văn Q đại diện Công ty TNHH TT trình bày: Trước đây, Công ty TNHH TT có vay của bà Trần Thị C tổng cộng 2.200.000.000 đồng để hoạt động kinh doanh cho Công ty như bà C trình bày. Sau đó, Công ty có nhiều lần trả tiền nợ gốc cho bà C cụ thể như sau:

Công ty có trả nhiều lần do bà C ký nhận, có khi do con bà C là Hồ Minh C (tự là Cường) và em kết nghĩa của bà C là bà Sáu Sĩ ký nhận. Trả từ ngày 01/4/2013 đến ngày 05/7/2014 với tổng số tiền 154.500.000 đồng.

- Công ty có nhờ Nguyễn Văn Hoàng (Ngân hàng PG Bank) chuyển trả cho bà C số tiền 18.000.000 đồng, chuyển trả qua tay không có làm biên nhận.

- Ngày 10/12/2012, bà C và chồng là ông Hồ Dũng A có đến Công ty TNHH TT mua 01 chiếc xe tải biển số 64C-01172 nhãn hiệu Tracimexco màu sơn xanh, trọng tải 750kg do vợ chồng bà C đứng ra mua cho anh Trần Văn V đứng tên. Giá bán xe là 135.000.000 đồng. Khi mua xe bà C có đưa trả tiền xe là 60.000.000 đồng, còn lại 75.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Vì thế Công ty đã đứng ra trả đủ tiền vốn mua xe còn lại và lãi cho Ngân hàng với số tiền vốn là 75.000.000 đồng và lãi là 244.687.500 đồng (lãi tạm tính từ ngày 13/12/2012 đến ngày 13/7/2015, lãi suất quá hạn là 1,125%/tháng).

Ông T có đại diện Công ty đưa tiền cho vợ chồng bà C và anh Lê Văn T (Cảnh sát giA thông tỉnh Đồng Tháp) để mua cây mai kiểng số tiền 50.000.000

đồng, tiền đưa qua tay năm 2009 không có làm biên nhận và không nhớ cụ thể ngày tháng.

Ngoài ra, bà C có nhận lãi do Công ty đóng cho từng khoản vay với lãi suất 4%/tháng, cụ thể như sau: Khoản vay 600.000.000 đồng vay ngày 06/10/2008: Thời gian đóng lãi từ ngày 06/11/2008 đến ngày 05/5/2014 là 65 tháng, thành tiền 1.560.000.000 đồng; khoản vay 900.000.000 đồng vay ngày 27/01/2010: Thời gian đóng lãi từ ngày 27/02/2010 đến ngày 05/5/2014 là 51 tháng, thành tiền 1.836.000.000 đồng; khoản vay 200.000.000 đồng vay ngày 27/7/2011: Thời gian đóng lãi từ ngày 27/8/2011 đến ngày 05/5/2014 là 33 tháng, thành tiền 264.000.000 đồng; khoản vay 150.000.000 đồng vay ngày 19/8/2011: Thời gian đóng lãi từ ngày 19/9/2011 đến ngày 05/5/2014 là 32 tháng, thành tiền 192.000.000 đồng; khoản vay 200.000.000 đồng vay ngày 11/10/2011: Thời gian đóng lãi từ ngày 11/11/2011 đến ngày 05/5/2014 là 30 tháng, thành tiền 240.000.000 đồng; khoản vay 150.000.000 đồng vay ngày 06/3/2012: Thời gian đóng lãi từ ngày 06/4/2012 đến ngày 05/5/2014 là 25 tháng, thành tiền 150.000.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi của 06 khoản vay Công ty TNHH TT đã đóng cho bà C là 4.242.000.000 đồng. Như vậy, bà C và gia đình đã nhận của Công ty tổng cộng cả vốn và lãi là 4.784.187.500 đồng. Ngoài ra đối với tiền lãi chiếc xe là 244.687.500 đồng vợ chồng bà C chưa đóng cho Công ty. Đối với tất cả những khoản tiền trả vốn và trả lãi cho bà C đều xuất phiếu chi của Công ty và có con dấu Công ty TNHH TT đóng.

Công ty TNHH TT yêu cầu điều chỉnh lãi suất của 06 khoản vay với lãi suất là 0,75%/tháng. Lấy tổng số tiền vốn và lãi của bà C có được trừ đi số tiền mà gia đình bà C nhận vốn, nhận lãi và thiếu lãi xe của Công ty, thì tạm tính bà C cùng gia đình phải trả lại cho Công ty TNHH TT số tiền là 1.534.187.500 đồng.

Nay Công ty TNHH TT phản tố yêu cầu bà Trần Thị C, ông Hồ Dũng A, Hồ Minh C có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty số tiền 1.534.187.500 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, ông Dương Văn Q đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH TT rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

- **Theo ông Hồ Dũng A trình bày:** Đối với yêu cầu của Công ty TNHH TT ông A không đồng ý nhưng tại phiên tòa ông Dương Văn Q đại diện theo ủy

quyền của Công ty TNHH TT rút toàn bộ yêu cầu phản tố nên ông đồng ý.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/4/2021, bà Phan Thị C trình bày: Bà C là bạn làm ăn chung của bà C, ông T và bà T, khoảng 10 năm trước. Bà C chỉ nghe bà C nói có cho ông T vay số tiền 2.200.000.000 đồng, bà có thấy nhân viên của ông T mang tiền đến trả cho bà C 2 lần 10.000.000 đồng, mỗi lần 5.000.000 đồng, còn việc trả tổng cộng cụ thể bA nhiêu thì bà không biết. Bà C không nhớ chính xác năm nào, có lần do ông T không đưa tiền cho bà C đóng lãi Ngân hàng nên bà C mượn tiền của bà để đóng lãi cho Ngân hàng Xăng dầu, ông T có hứa đưa lại cho bà 10.000.000 đồng nhưng ông T chỉ đưa cho bà số tiền 1.000.000 đồng, ông T đưa tiền cho bà vào buổi tối hơn 19 giờ 00 phút ở Chợ đầu mối, sau đó không đưa thêm cho bà khoản tiền nào cho đến nay. Phần tiền bà C mượn thì bà C đã trả cho bà C xong, không còn nợ gì nữa. Ngoài ra, bà không còn nhận khoản tiền nào từ ông T, bà T và nhiều năm nay bà cũng không có gặp ông T, bà T.

- **Tại văn bản ý kiến đề ngày 01/9/2016 ông Lê Văn T trình bày:** Ông không có nhận bất kì số tiền nào từ ông Phạm Thanh T.

- **Ông Trần Văn V:** Không thống nhất với yêu cầu phản tố của bị đơn, việc mua xe giữa ông và công ty Thanh Tùng đã thực hiện xong, đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Ông Nguyễn Văn H, Hồ Minh C:** Không có văn bản ý kiến.

Tại quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố CA Lãnh đã xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C.

Buộc Công ty TNHH TT, bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Phạm Thanh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị C số tiền vay nợ gốc 2.200.000.000 đồng và tiền lãi là 1.370.300.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 3.570.300.000 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[2] Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố của bị đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH TT, bà Nguyễn Thị Thanh T

và ông Phạm Thanh T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 103.406.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH TT đã đóng là 29.013.000 đồng theo biên lai thu số 038056 ngày 04/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CA Lãnh, như vậy Công ty TNHH TT, ông T và bà T còn phải liên đới nộp thêm số tiền án phí là 74.393.000 đồng.

Bà Trần Thị C được miễn án phí dân sự sơ thẩm, bà Trần Thị C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 38.500.000 đồng theo biên lai thu số 033941 ngày 01/7/2015 và số tiền 21.946.875 đồng theo biên lai thu số 034858 ngày 26/8/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CA Lãnh.

Chi phí giám định là 5.550.000 đồng bà Trần Thị C tự nguyện chịu, bà Trần Thị C đã tạm ứng và đã chi xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn T về thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 06/4/2022 Công ty TNHH TT, ông Phạm Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh T kháng cáo bản án sơ thẩm số: 17/2022/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân TPCL.

Công ty TNHH TT yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng T buộc Công ty TNHH TT phải trả cho bà C số tiền vay nợ gốc là 2.049.000.000 đồng và tiền lãi 9%/năm tính từ ngày 25/7/2014 là 1.584.000.000 đồng và yêu cầu trả dần mỗi tháng 50.000.000 đồng đến khi đủ số nợ trên.

Ông Phạm Thanh T yêu cầu sửa một phần bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ông T phải liên đới với Công ty TNHH TT trả cho bà C số tiền nợ gốc và lãi là 3.570.300.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu sửa một phần bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc bà T phải liên đới với Công ty TNHH TT trả cho bà C số tiền nợ gốc và lãi là 3.570.500.000 đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Q đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH TT, bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu Công ty TNHH TT trả 900.000.000 đồng theo biên nhận ngày 27/01/2010 có đóng dấu của Công ty và số tiền 150.000.000 đồng theo biên nhận ngày 19/8/2011 thể hiện theo bảng sA kê tài khoản của Ngân hàng thương mại cổ phần xăng dầu PETROLIMEX Chi nhánh Đồng Tháp ngày in 10/5/2021, do hai khoản tiền này ông T, bà T vay cho Công Ty; ông T, bà T đồng ý trả cho bà

C số tiền 600.000.000 đồng theo biên nhận ngày 06/10/2008, do ông t và bà T ký tên; ông T đồng ý trả cho bà C 200.000.000 đồng theo ngày 27/7/2011, do ông T ký tên; bà T đồng ý trả 200.000.000 đồng theo biên nhận ngày 11/10/2011 và 150.000.000 đồng theo biên nhận ngày 06/3/2012, do bà Thúy ký tên. Các khoản vay ông Tùng, bà Thúy và Công Ty TNHH TT đồng ý trả lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 25/7/2014.

Anh Mai T đại diện theo ủy quyền cho bà C không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo; yêu cầu giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Hoàng G bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị C và ông Hồ Dũng A trình bày: Không thống nhất yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH TT, ông Phạm Thanh T và bà Nguyễn Thị Thanh T; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2022/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân TPCL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Từ khi thụ lý giải quyết vụ việc đến khi nghị án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự xét xử phúc thẩm.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án

Bị đơn Cty TNHH Thanh T, người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh T kháng cáo xác định đâu là nợ của Công ty, đâu là nợ của cá nhân ông T, bà T để cá thể hóa trách nhiệm trả nợ cho bà Trần Thị C.

Qua nghiên cứu hồ sơ nhận thấy:

Cty TNHH T T được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 24/6/2004, thay đổi lần thứ 20 ngày 17/12/2018, có trụ sở đặt tại số 03 QL30, PMP, thành phố CA Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, vốn điều lệ là 6.900.000.000đ (sáu tỷ chín trăm triệu), năm 2011, 2012 (thời điểm vay tiền của bà C) có 02 thành viên là ông T, bà T (T và T là vợ chồng), đến năm 2019 có thêm thành viên là Vũ Tổ Dung (có địa chỉ Đài Loan, Trung Q) Cty hoạt động kinh doanh đa ngành nghề, trong đó có dịch vụ vận tải, mua bán xe ô tô xe máy,.. do ông Phạm Thanh T làm chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

Theo thông tin mà Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp cung cấp thì hiện nay Cty TNHH T T vẫn còn tên trên cơ sở dữ liệu Q gia, chưa giải thể nhưng Trụ sở Cty không còn đặt tại địa chỉ số 03 QL30, PMP, thành phố CA Lãnh, tỉnh Đồng Tháp như đã đăng ký.

Từ ngày 06/10/2008 đến ngày 06/3/2012, bà C có cho Công ty TNHH TT, ông T, bà T vay 06 lần, với tổng số tiền 2.200.000.000đ, không thể hiện lãi suất là có thật. Trong 06 lần vay tiền, thì biên nhận ngày 27/01/2010 số tiền 900.000.000đ do ông T, bà T ký tên và có đóng dấu của Cty TNHH Thanh T; biên nhận ngày 06/10/2008 vay 600.000.000đ do ông T + bà T ký, ngày 27/7/2011 vay 200.000.000đ do ông T ký, ngày 19/8/2011 vay 150.000.000đ do bà T ký, ngày 11/10/2011 vay 200.000.000đ do bà T ký; ngày 06/3/2012 vay 150.000.000đ do bà T ký mà không có dấu của Cty Thanh T. Cty Thanh T, bà T, ông T cho rằng tất cả các khoản tiền vay này Cty có họp Hội đồng thành viên ngày 07/5/2010 và ủy quyền cho bà T vay tiền bà C nhưng trên giấy tờ không thể hiện danh nghĩa của Cty, hơn nữa việc họp Hội đồng thành viên và ủy quyền của Cty để thành viên của Cty vay mượn tiền của bà C thì Cty không thông báo cho bà C và bà C cũng hoàn toàn không biết. Đối với ông T cũng vậy, khi mượn tiền bà C trên giấy tờ vay tiền không thể hiện danh nghĩa Cty.

Như vậy, cho thấy Cty TNHH Thanh T, ông T, bà T vay của bà C 900.000.000đ; ông T + bà T vay bà C 600.000.000đ; ông T vay bà C 200.000.000đ; bà T vay bà C 500.000.000đ. Cho nên việc Tòa án cấp sơ thẩm T buộc Cty TNHH Thanh T cùng với ông T, bà T có trách nhiệm liên đới trả cho bà C số tiền vay 2.200.000.000đ và lãi suất là chưa phù hợp nên cần xem xét lại trách nhiệm trả nợ cụ thể, đâu là của Cty Thanh T, đâu là của ông T và đâu là của bà T.

Đối với khoản tiền mà ông T, bà T vay của bà C là 1.300.000.000đ nhưng ông T, bà T là vợ chồng, việc vay mượn vợ chồng cùng chung ý chí, cùng mục đích là để kinh doanh, làm kinh tế gia đình nên ông T, bà T cùng liên đới đối với các khoản vay là phù hợp.

Từ phân tích trên, xét thấy kháng cáo của Cty TNHH Thanh T, ông T, bà T có căn cứ một phần.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS đề nghị HĐXX sửa án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận một phần kháng cáo của Cty TNHH Thanh T, ông Phạm Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh T.

- Buộc Công ty TNHH TT, ông Phạm Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị C số tiền 900.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật.

- Buộc ông Phạm Thanh T và bà Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị C số tiền 1.300.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/4/2022 Công ty TNHH TT, ông Phạm Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh T kháng cáo bản án sơ thẩm số: 17/2022/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân TPCL là còn trong thời hạn luật định được xem là hợp lệ.

[2] Xét Công ty TNHH TT yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng T buộc Công ty TNHH TT phải trả cho bà C số tiền vay nợ gốc là 2.049.000.000 đồng và tiền lãi 9%/năm tính từ ngày 25/7/2014 là 1.584.000.000 đồng và yêu cầu trả dần mỗi tháng 50.000.000 đồng đến khi đủ số nợ trên. Hội đồng xét xử xét thấy tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (đăng ký lần đầu ngày 24/6/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 05/9/2017) do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp cho Công ty TNHH TT, địa chỉ Số 3, Q lộ 10, PMP, thành phố CA Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Công ty có vốn điều lệ 6.800.000.000 đồng; có hai thành

viên góp vốn (ông Phạm Thanh T góp 5.644.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thanh T góp 1.156.000.000 đồng); người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Phạm Thanh T, chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

[2.1] Tại biên nhận đề ngày 27/01/2010 có thể hiện nội dung “Công ty TNHH TT, ông Phạm Thanh T, Nguyễn Thị Thanh T có mượn của chị Trần Thị C số tiền 900.000.000đồng về việc kinh doanh xe ô tô có ký tên Phạm Thanh T có đóng dấu Công ty TNHHH Thanh T đồng thời bà Nguyễn Thị Thanh T có ký tên. Biên nhận này thể hiện có ba đối tượng đứng tên vay gồm: Công ty TNHH Thanh Tùng, ông Phạm Thanh Tùng và bà Nguyễn Thị Thanh T; ông Tùng, bà Thúy đều có ký tên và đóng dấu trong biên nhận mượn tiền. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty TNHH TT, ông Phạm Thanh T và Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị C số tiền vay 900.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu kháng của Công ty TNHH TT, ông Phạm Thanh T và Nguyễn Thị Thanh T phần này.

[2.2] Đối với số tiền vay 150.000.000 đồng ngày 19/8/2011 anh Quốc cho rằng, khi bà Thúy vay của bà C thì đến ngày 23/9/2011 bà Thúy đã nộp vào Ngân hàng thương mại cổ phần xăng dầu PETROLIMEX Chi nhánh Đồng Tháp theo bảng sA kê tài khoản. Tuy nhiên, bà Thúy không xuất trình được chứng từ thu để nhập vào vốn lưu động của Công ty. Mặt khác, biên nhận ngày 19/8/2011 chỉ có bà Thúy ký tên nên không đủ căn cứ để xác định số tiền này Công ty vay của bà C nên không chấp nhận.

[2.3] Biên nhận ngày 06/10/2008, ghi là Công ty TNHH TT mượn tiền của bà Trần Thị C số tiền 600.000.000 đồng, do ông Phạm Thanh T và bà Nguyễn Thị Thanh T ký tên, không đóng dấu Công ty; Biên nhận ngày 27/7/2011, thể hiện ông Phạm Thanh T vay của bà Trần Thị C số tiền 200.000.000 đồng, do ông T ký tên và ghi tên T, không có con dấu của Công ty; Biên nhận ngày 19/8/2011, thể hiện ông Phạm Thanh T và bà Nguyễn Thị Thanh T vay của bà Trần Thị C số tiền 150.000.000 đồng, do bà Nguyễn Thị Thanh T ký tên và ghi họ và tên bà T, không có con dấu của Công ty; Biên nhận ngày 11/10/2011 thể hiện ông Phạm Thanh T vay của bà Trần Thị C số tiền 200.000.000 đồng, do bà Nguyễn Thị Thanh T ký tên và ghi họ và tên Phạm Thanh T, không có con dấu của Công ty; Biên nhận ngày 06/3/2012, thể hiện ông Phạm Thanh T vay của bà Trần Thị C số tiền 150.000.000 đồng, do bà Nguyễn Thị Thanh T ký tên nhưng không có ghi họ và tên, không có con dấu của Công ty.

Hội đồng xét xử xét thấy, các biên nhận nêu trên ông T, bà T cho rằng vay với tư cách là Công ty TNHH TT. Tuy nhiên, trong các biên nhận không thể hiện nội dung ông T, bà T vay với tư cách là người đại diện cho Công ty TNHH TT; Công ty Thanh T; bà T, ông T cho rằng tất cả các khoản tiền vay Công ty có hợp Hội đồng thành viên ngày 07/5/2010 và ủy quyền cho bà T vay tiền của bà C nhưng trên giấy tờ không thể hiện danh nghĩa của Công ty, hơn nữa việc hợp Hội đồng thành viên và ủy quyền của Công ty để thành viên của Công ty vay tiền của bà C thì Công ty không thông báo cho bà C và bà C cũng hoàn toàn không biết. Đối với ông T cũng vậy, khi vay tiền của bà C trên giấy tờ vay tiền không thể hiện danh nghĩa Công ty nên. Mặt khác, các biên nhận đều không có đóng dấu Công ty TNHH TT. Do đó, có cơ sở xác định số tiền vay 1.300.000.000 đồng của các biên nhận ngày 06/10/2008; 27/7/2011; 19/8/2011; 11/10/2011; 06/3/2012 là số tiền vay của cá nhân ông T và bà T vay của bà C. Trong khoản thời gian vay tiền của bà C ông T, bà T là vợ chồng, việc vay nợ được xác định trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại Điều 37 và Điều 38 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, buộc ông T, bà Thúy cùng liên đới trả cho bà C số tiền 1.300.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên chấp nhận một phần kháng cáo của ông Tùng và bà Thúy. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty TNHH Thanh Tùng trả số tiền trên không có căn cứ nên sửa phần này.

[2.4] Xét số tiền 151.000.000 đồng, bà C cho rằng Công ty TNHH TT đã trả tiền lãi cho bà, còn Công ty TNHH TT thì cho rằng đây là tiền Công ty trả tiền vốn cho bà C. Căn cứ vào các phiếu chi ngày 31/5/2013, 01/8/2013, 03/12/2013 và biên nhận ngày 07/8/2013 thể hiện việc bà C nhận tiền của Công ty TNHH TT là tiền trả lãi cho Ngân hàng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, số tiền 151.000.000 đồng là của Công ty TNHH TT trả tiền lãi cho bà C. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có căn cứ, phù hợp pháp luật nên giữ nguyên phần này.

[2.5] Về thời điểm tính lãi, Hội đồng xét xử xét thấy tại các biên nhận không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả nợ nên việc tính lãi phải tính từ ngày các bên phát sinh tranh chấp là khi bà C có đơn tố giác ông T tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp là ngày 25/7/2014 đến ngày 31/3/2022 là 92 tháng 6 ngày nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời điểm tính lãi có căn cứ, phù hợp pháp luật. Tiền lãi được tính cụ thể như sau:

$$92 \text{ tháng } 6 \text{ ngày} = 2.766 \text{ ngày}$$

+ 900.000.000đồng x 0,75% x 2.766 ngày : 30 ngày = 622.350.000đồng.

Các đương sự thống nhất số tiền 151.000.000đồng là tiền do Công ty TNHH TT trả cho bà C nên được trừ vào số tiền lãi của Công ty TNHH TT 622.350.000 đồng - 151.000.000 đồng = 471.350.000đồng. Như vậy số tiền lãi Công ty TNHH TT phải trả cho bà C là 471.350.000đồng.

+ 1.300.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 2.766 ngày : 30 ngày = 898.950.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền lãi ông Phạm Thanh T và bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho bà C là 898.950.000 đồng.

[3] Xét ông Phạm Thanh T yêu cầu sửa một phần bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ông T phải liên đới với Công ty TNHH TT trả cho bà C số tiền nợ gốc và lãi là 3.570.300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu sửa một phần bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc bà T phải liên đới với Công ty TNHH TT trả cho bà C số tiền nợ gốc và lãi là 3.570.300.000 đồng là không có căn cứ nên Hội đồng không chấp nhận như đã nhận định nêu trên.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 31/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố CA Lãnh buộc Công ty TNHH TT, bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Phạm Thanh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị C số tiền vay nợ gốc 2.200.000.000 đồng và tiền lãi là 1.370.300.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 3.570.300.000 đồng là chưa phù hợp nên sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 31/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố CA Lãnh.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận một phần kháng cáo của Cty TNHH Thanh T, ông Phạm Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh T. Buộc Công ty TNHH TT, ông Phạm Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị C số tiền 900.000.000đ và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật. Buộc ông Phạm Thanh T và bà Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị C số tiền 1.300.000.000đ và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là phù hợp, có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Do sửa bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 31/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố CA Lãnh nên Công ty TNHH TT, ông Phạm Thanh

T, bà Nguyễn Thị Thanh T không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 31/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố CA Lãnh không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

T Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH TT, ông Phạm Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh T.

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 31/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố CA Lãnh.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Thanh T, ông Phạm Thanh T và bà Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị C số tiền vay nợ gốc 900.000.000 đồng và tiền lãi là 471.350.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 1.371.350.000 đồng (Một tỷ, ba trăm bảy mươi một triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng).

Buộc ông Phạm Thanh T và bà Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị C số tiền vay gốc 1.300.000.000 đồng và tiền lãi là 898.950.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 2.198.950.000 đồng (Hai tỷ, một trăm chín mươi tám triệu, chín trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành án xong thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố của bị đơn.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm

- Công ty trách nhiệm hữu hạn Thanh T, ông Phạm Thanh T và bà Nguyễn Thị Thanh T liên đới chịu 53.140.500 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH TT đã đóng là 29.013.000 đồng theo biên lai thu số 038056 ngày 04/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CA Lãnh. Công ty trách nhiệm hữu hạn Thanh T, ông Phạm Thanh T và bà Nguyễn Thị Thanh T liên đới nộp tiếp số tiền là 24.127.500 đồng.

- Ông Phạm Thanh T và bà Nguyễn Thị Thanh T liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 75.979.000 đồng,

- Bà Trần Thị C được miễn án phí dân sự sơ thẩm, bà Trần Thị C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 38.500.000 đồng theo biên lai thu số 033941 ngày 01/7/2015 và số tiền 21.946.875 đồng theo biên lai thu số 034858 ngày 26/8/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CA Lãnh.

- Chi phí giám định là 5.550.000 đồng bà Trần Thị C tự nguyện chịu, bà Trần Thị C đã tạm ứng và đã chi xong.

6. Án phí dân sự phúc thẩm

Công ty TNHH TT, ông Phạm Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh T không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH TT 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005584 ngày 22/4/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố CA Lãnh (do Nguyễn Thị Thanh T nộp thay.

Hoàn trả lại cho ông Phạm Thanh T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005585 ngày 22/4/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố CA Lãnh (do Nguyễn Thị Thanh T nộp thay.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005583 ngày 22/4/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố CA Lãnh.

7. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

8. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 31/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố CA Lãnh không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày T án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND TP CA Lãnh;
- Chi cục THADS TP CA Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Tr).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên đóng dấu

Lê Hồng Nước